

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 92/2021/DS-PT

Ngày: 04/3/2021

V/v tranh chấp: “Hợp đồng
vay tài sản và hợp đồng góp
hụi”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Tuấn;

Các Thẩm phán: Ông Trương Vĩnh Hữu;

Bà Lê Thị Hồng Tâm.

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Giang, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông Võ Trung Hiếu, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2021/TLPT-DS ngày 20/01/2021 về việc tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 219/2020/DS-ST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G , tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐ-PT ngày 05/02/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C , sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp B , xã B , huyện G , tỉnh Tiền Giang.

Đại diện hợp pháp: Bà Dương Thị Kim L, sinh năm 1972;

Địa chỉ: 28 ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền lập ngày 25/9/2020)

2. *Bị đơn:*

- Ông Trần Văn S, sinh năm 1976;

- Bà Lê Thị T, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: Ấp B , xã T , huyện G , tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Trần Phước T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp B , xã T , huyện G , tỉnh Tiền Giang.

- Ông Trần Văn T, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp B , xã B , huyện G , tỉnh Tiền Giang.

*. Người kháng cáo: Bị đơn Trần Văn S, Lê Thị T.

Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt bà Dương Thị Kim L, chị Lê Thị T, anh Trần Phước T.

Bị đơn anh Trần Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C và bà Dương Thị Kim L - Người đại diện theo ủy quyền của bà C trình bày:

Chị Lê Thị T và anh Trần Văn S là vợ chồng. Trước đây chị T có vay của bà C 96.000.000 đồng (vì đã lâu nên thời gian vay và lãi suất bà C không nhớ). Do chị T không có khả năng trả nợ vay, nên chị T xin tham gia hội do bà C làm đầu thảo để có tiền trả nợ vay. Chị T tham gia 05 phần của dây hội 2.000.000 đồng/tháng; dây hội có 35 phần, chị T đã hốt hết 05 phần. Khi hốt hội, chị T có trả được một phần nợ vay và không đóng hội chết đầy đủ. Ngày 10/10/2019 âm lịch, các bên tổng kết nợ hội, nợ vay và chị T viết biên nhận thiếu bà C 150.000.000 đồng, thỏa thuận hàng tháng sẽ trả 7.000.000 đồng từ ngày 10/10/2019 (âm lịch). Do chị T vi phạm cam kết, nên bà C khởi kiện yêu cầu chị T cùng chồng là anh Trần Văn S có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền 150.000.000 đồng làm một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bà C có yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ là quyền sử dụng thửa đất số 134, tờ bản đồ số 2, diện tích 1.505,1m², đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp B , xã T , huyện G , tỉnh Tiền Giang do anh Trần Văn S và chị Lê Thị T đứng tên.

* Bị đơn chị Lê Thị T trình bày:

Chị có vay tiền của bà C số tiền 96.000.000 đồng và có chơi hội do bà C làm chủ hội như bà C trình bày. Số tiền vay, chị và chồng là Anh S đóng lãi 6.000.000 đồng/tháng. Do vợ chồng chị không có khả năng trả nợ cho bà C và các khoản nợ khác, nên bà C cho vợ chồng chị tham gia 05 phần hội, dây hội 2.000.000đồng/tháng, khai ngày 05/12/2017 âm lịch, dây hội có 35 phần. Chị đã hốt hết 5 phần hội và trả nợ vay cho bà C xong. Do không có khả năng đóng hội chết nên ngày 10/10/2019 âm lịch chị viết biên nhận dồn hội lại với số tiền 150.000.000 đồng cho bà C.

Tại phiên tòa, chị T có ý kiến cho rằng, số tiền 150.000.000 đồng là bao gồm 120.000.000 đồng hội chết và 30.000.000 đồng lãi hội. Chị T chấp nhận trả

150.000.000 đồng nhưng xin trả dần làm 04 lần, 06 tháng trả 37.500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

** Bị đơn anh Trần Văn S trình bày:*

Vợ anh là chị T không có vay tiền của bà Cúc. Số tiền 150.000.000 đồng là tiền nợ hụi. Anh S đồng ý cùng với chị T trả số nợ trên cho bà Cúc, nhưng xin trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T trình bày:* Ông Thống nhất lời trình bày của bà Cúc. Trong vụ án, ông Thương để bà C đứng ra nhận tiền vì đây là việc làm ăn của cá nhân của bà Cúc.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Phước T trình bày:* Anh Svà chị T phải có nghĩa vụ tiếp tục làm thủ tục sang tên cho anh đối với thửa đất số 134, tờ bản đồ số 2, diện tích 1505,1m², đất trồng lúa, tại ấp B , xã T , huyện G , tỉnh Tiền Giang do Anh Svà chị T đứng tên. Đến ngày 24/5/2020, anh Tài đã có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập, anh không yêu cầu trong vụ án này, nếu cần thiết thì sau này anh sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số 219/2020/DS-ST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G , tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 228, 235, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471, 463, 288 Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 15, 16, 17, 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biểu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C .

Buộc chị Lê Thị T và anh Trần Văn S có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 150.000.000 đồng. Trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của anh Trần Phước T nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo qui định của pháp luật.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 03/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện G .

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền và nghĩa vụ thi hành án; nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/9/2020 bị đơn Trần Văn S, Lê Thị T kháng cáo xin xem xét trả vốn hụi là 120.000.000 đồng; thực hiện nghĩa vụ nhiều kỳ, mỗi kỳ là 06 tháng trả 30.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn chị Lê Thị T có ý kiến giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại số tiền thực nợ là 120.000.000 đồng vốn hui và xin thực hiện nghĩa vụ làm nhiều lần.

- Bà Dương Thị Kim L - Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C có ý kiến không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo của bị đơn cho rằng, số tiền 150.000.000 đồng bao gồm nợ vốn cộng lãi hui nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh và yêu cầu xin trả nợ dần không được nguyên đơn đồng ý, chấp thuận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Qua lời trình bày của các bên đương sự, đối chiếu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện: Ngày 10/10/2019 âm lịch, chị Lê Thị T viết biên nhận số tiền 150.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị C, cam kết hàng tháng trả 7.000.000 đồng (BL: 129). Theo bà Cúc, số tiền 150.000.000 đồng là nợ vốn vay và nợ hui. Do chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ như cam kết, nên bà khởi kiện yêu cầu buộc chị T và chồng là anh Trần Văn S liên đới trả nợ cho bà.

Chị T và Anh S thừa nhận biên nhận nợ ngày 10/10/2019 âm lịch do chị T viết và ký tên. Nhưng cho rằng, số tiền 150.000.000 đồng là bao gồm 120.000.000 nợ hui và 30.000.000 đồng tiền lãi hui, nên kháng cáo xin xem xét được trả tiền vốn hui và chia làm nhiều kỳ.

[2] Xét kháng cáo của các bị đơn, nhận thấy: Chị T và Anh S cho rằng, biên nhận 150.000.000 đồng là bao gồm tiền nợ hui 120.000.000 đồng và 30.000.000 đồng tiền lãi, nhưng không được bà C thừa nhận và anh, chị không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Ngoài các tài liệu, chứng cứ Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá, chị Trang, Anh S không bổ sung được tài liệu, chứng cứ gì mới để

chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó, ý kiến của nguyên đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn là có căn cứ, nên chấp nhận.

Đối với yêu cầu kháng cáo của các bị đơn xin xem xét thực hiện nghĩa vụ làm nhiều lần là không phù hợp với qui định của pháp luật và không được nguyên đơn đồng ý, nên không chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của các bị đơn không được chấp nhận như nhận định, nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị đơn anh Trần Văn S và chị Lê Thị T; Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 219/2020/DS-ST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G , tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 288, 463, 471 Bộ luật Dân sự; Điều 15, 16, 17, 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C .

Buộc chị Lê Thị T và anh Trần Văn S có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 150.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Chị Lê Thị T và anh Trần Văn S liên đới chịu 3.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, tổng cộng là 4.050.000 đồng, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 20056 ngày 07/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G , tỉnh Tiền Giang, nên phải nộp tiếp số tiền 3.750.000 đồng.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C số tiền 3.750.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 0016233 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G , tỉnh Tiền Giang.

- Hoàn trả cho anh Trần Phước T số tiền 300.000 đồng dự phí đã nộp theo biên lai thu số 0016470 ngày 12/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G , tỉnh Tiền Giang.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
 - VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện G ;
 - CC THADS huyện G ;
 - Các đương sự;
 - Phòng KTNV & THA (TAT);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Tuấn